

TTĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1373~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 9 ...
	Ngày: ... 30.7.2021

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tiếp tục xây dựng xã hội học tập dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục.

2. Ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

3. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

4. Duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ và cộng đồng; xây dựng môi trường học tập suốt đời tại nơi làm việc đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và tác phong văn hóa nghề nghiệp.

5. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư và dòng họ, gia đình có trách nhiệm tạo các cơ hội học tập công bằng và điều kiện thuận lợi để mọi người trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số và miền núi, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục và tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

+ 70% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

+ 70% các tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo;

+ 50% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

+ Phần đầu 100% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, trong đó có 20% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân:

+ 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin;

+ 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống;

+ 50% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, 12% dân số có trình độ đại học trở lên.

- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

+ 70% các trường đại học triển khai đại học số và xây dựng học liệu số;

+ 60% các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số;

+ 70% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

- Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội:

+ 40% công dân đạt danh hiệu công dân học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ 25% các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) được công nhận danh hiệu huyện học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ 15% các tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

+ 90% các tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

+ Phấn đấu 100% các tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo;

+ 70% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

+ 40% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân:

+ 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin;

- + 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.
- + 60% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, 15% dân số có trình độ đại học trở lên.
- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:
 - + 90% các trường đại học triển khai đại học số và xây dựng học liệu số;
 - + 80% các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số;
 - + 90% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.
- Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội:
 - + 60% công dân đạt danh hiệu công dân học tập;
 - + 50% các huyện được công nhận danh hiệu huyện học tập;
 - + 35% các tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng xã hội học tập

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập trong điều kiện phát triển nền kinh tế số, xã hội số thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, các cơ sở giáo dục và các phương thức khác;

b) Tổ chức hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam hằng năm;

c) Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập

a) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật học tập suốt đời.

b) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành: Tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng xã hội học tập của các

địa phương; tiêu chí công dân học tập; tiêu chí công nhận huyện học tập, tỉnh học tập; khung năng lực thông tin phục vụ học tập suốt đời cho công dân;

c) Rà soát, hoàn thiện quy chế kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên; ban hành các quy định liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo;

d) Rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, nhất là các trung tâm học tập cộng đồng ở các xã biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

đ) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, người lao động được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; hỗ trợ những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

3. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời

a) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên, các thiết chế văn hóa:

- Cơ sở giáo dục đại học: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển đào tạo từ xa, trong đó tập trung phát triển áp dụng các công nghệ tiên tiến; nâng cao chất lượng đào tạo từ xa, chú trọng công tác kiểm định chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng. Tăng cường xây dựng, khai thác, tích hợp, chia sẻ nguồn tài nguyên giáo dục mở, học liệu mở với các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; chủ động tham gia Đề án Hệ tri thức Việt số hóa, Việt hóa các nguồn tài nguyên giáo dục mở quốc tế.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Đổi mới các phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt gắn với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn giúp người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, người khuyết tật, người nội trợ, người cao tuổi dễ dàng tiếp cận, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho công nhân, người lao động.

- Cơ sở giáo dục thường xuyên: Đa dạng nội dung giáo dục, đào tạo, đổi mới mạnh mẽ các phương thức giảng dạy và học tập kết hợp với việc ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông tin, mạng xã hội và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở để mở rộng tiếp cận và nâng cao chất lượng học tập cho mọi người dân.

- Các thiết chế văn hoá: Đổi mới phương thức, mô hình hoạt động và cung ứng sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ học tập trên nền tảng công nghệ số; tăng cường hợp tác trong tạo lập và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các thiết chế văn hóa và các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức hỗ trợ người dân học tập suốt đời.

b) Tổ chức các chương trình giáo dục trên kênh phát thanh, truyền hình, các trang mạng báo điện tử, các ứng dụng truyền hình của các đài phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương; đăng tải trên nền tảng công nghệ số của các mạng xã hội có nhiều người dùng tại Việt Nam;

c) Xây dựng kho học liệu mở phục vụ việc tự học và học tập suốt đời trên các kênh truyền hình giáo dục theo Đề án được duyệt;

d) Tăng cường năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học mở tại các địa phương, nhất là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để làm nhiệm vụ là trung tâm xây dựng và nghiên cứu phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa; phát triển học liệu mở và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phục vụ học tập suốt đời.

4. Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

a) Tăng cường công tác phối hợp, liên kết giữa các ngành, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa thể thao để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thiết thực, hiệu quả gắn với phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương;

b) Tăng cường tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ và xóa mù chữ gắn với dạy nghề truyền thống, dạy nghề ngắn hạn và phát triển cộng đồng;

c) Huy động có hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng và các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện của địa phương và các quy định của pháp luật;

d) Nghiên cứu đổi mới mô hình trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả và tổ chức thí điểm để triển khai nhân rộng trong cả nước.

5. Tổ chức các phong trào, cuộc vận động để thúc đẩy học tập suốt đời

a) Tăng cường vận động, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân xây dựng, duy trì thói quen tự học, ý thức học tập suốt đời phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi cá nhân.

b) Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong cả nước, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác nhằm thúc đẩy việc học tập trong mọi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư.

c) Huy động sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp để triển khai hiệu quả các phong trào, hoạt động thúc đẩy tự học, học thường xuyên, tham gia học tập trên môi trường công nghệ cho công nhân, người lao động; hỗ trợ người lao động có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

đ) Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và xây dựng mô hình công dân học tập theo Đề án được duyệt.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa

a) Thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập;

b) Nghiên cứu, triển khai các chương trình hợp tác quốc tế về công nghệ đào tạo mở và từ xa trên nền tảng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

c) Đẩy mạnh vận động, khuyến khích đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập;

d) Chủ động, tích cực tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) điều hành. Cùng cố, tăng cường năng lực hoạt động của Trung tâm Khu vực về học tập suốt đời của Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á tại Việt Nam (SEAMEO CELLL).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Đề án, các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của bộ, ngành trung ương và địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì, điều phối thực hiện Đề án, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

b) Xây dựng và triển khai tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng xã hội học tập của các địa phương; khung năng lực thông tin phục vụ học tập suốt đời cho công dân; tiêu chí công nhận huyện học tập, tỉnh học tập. Xây dựng quy chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan; tiếp tục hoàn thiện quy chế kiểm tra, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên;

c) Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học tập suốt đời;

d) Tổ chức xét tặng, ghi nhận những tấm gương tiêu biểu về tự học thành tài, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác xây dựng xã hội học tập hằng năm;

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp hằng năm; tổ chức sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030 và đề xuất Thủ tướng Chính phủ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xây dựng các chương trình đào tạo bổ sung, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp mới cho người lao động; hỗ trợ học tập cho người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội;

b) Nhân rộng các mô hình đào tạo, đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp; đào tạo nghề gắn với ngành nghề truyền thống, gắn với sản xuất, kinh doanh ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

c) Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại cho các đối tượng: lao động nông thôn, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ, người hết tuổi lao động.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông về xây dựng xã hội học tập. Chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành mở rộng danh mục, đối tượng được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Nhân rộng các mô hình học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ;

b) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của người dân đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

5. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và địa phương bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm và hướng dẫn cơ chế tài chính triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách để tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội thúc đẩy công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

6. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài xây dựng kế hoạch vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tổ chức lớp học tiếng Việt cho các thế hệ người Việt Nam ở nước ngoài một cách thiết thực, hiệu quả.

7. Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với các địa phương có liên quan đẩy mạnh tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập cho người dân ở khu vực biên giới, biển đảo; vận động học sinh bỏ học trở lại trường; tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp 1; tổ chức các lớp phổ cập giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số; vận động người chưa biết chữ tham gia các lớp xóa mù chữ và tham gia dạy xóa mù chữ;

b) Chỉ đạo nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ Quân đội, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và học viên các nhà trường Quân đội.

8. Bộ Công an

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức các lớp học xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, đào tạo nghề cho trại viên, phạm nhân và học viên trong các trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.

9. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh các hoạt động phát triển nghề nghiệp cho người lao động; tuyên truyền, vận động, động viên, khuyến khích công nhân, người lao động trong doanh nghiệp học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề;

b) Chỉ đạo các cấp công đoàn hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp vận động người sử dụng lao động tạo điều kiện về thời gian, vật chất, thành lập quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ công nhân, người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và hỗ trợ con công nhân, người lao động hiếu học có hoàn cảnh khó khăn, nghèo.

10. Ủy ban Dân tộc

Tham mưu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình, dự án hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho người dân tộc thiểu số và miền núi, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho trẻ em, người học vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tham gia học tập.

11. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Đề án; lồng ghép việc thực hiện Đề án với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Đề án và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bộ, ngành có trách nhiệm cung ứng các chương trình học tập suốt đời và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị được học tập suốt đời; tổ chức biên soạn và số hóa tài liệu học tập cho mọi tầng lớp nhân dân về các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành.

12. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, nhất là trong việc tuyên truyền, định hướng phát triển, gắn với các chương trình, đề án khác liên quan. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án.

13. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội ở trung ương liên quan

a) Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong cả nước, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác. Phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tham gia giám sát, phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Đề án;

b) Hội Khuyến học Việt Nam

- Chủ trì lồng ghép các hoạt động tuyên truyền thông qua hệ thống hội khuyến học các cấp.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng tiêu chí công dân học tập, nhân rộng các mô hình học tập trong xã hội phù hợp với thực tiễn triển khai ở các địa phương trong cả nước.

c) Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Chủ trì, tổ chức phối hợp, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập thông qua các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sáng tạo trong thanh niên; vận động gây quỹ hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập.

d) Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia tuyên truyền Đề án, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trong phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; vận động, tuyên truyền phụ nữ và trẻ em gái ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa biết chữ ra học các lớp xóa mù chữ;

d) Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam: hướng dẫn các cấp hội phối hợp tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hoá giáo dục và đào tạo; huy động hội viên tham gia chuyển giao công nghệ, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, phổ biến kiến thức cho người dân.

14. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án hằng năm và từng giai đoạn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; cùng cố, tổ chức bộ phận chỉ đạo xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 các cấp ở địa phương; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng xã hội học tập;

b) Cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Đề án;

c) Xây dựng và phát triển các mô hình học tập, ngành nghề đào tạo, các nghề đặc thù cần học tập suốt đời đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp quy hoạch của từng địa phương đến năm 2030;

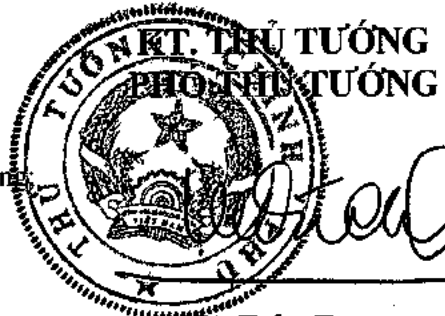
d) Kiểm tra, giám sát và định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

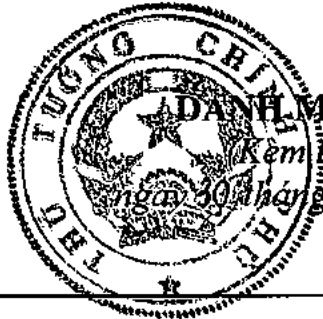
Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam, Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (2).Số. 100



Vũ Đức Đam



Phụ lục

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN

Kèm theo Quyết định số: 1373/QĐ-TTg

ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đề án thành phần	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian hoàn thành
1	Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2021 - 2030”	Hội Khuyến học Việt Nam	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
2	Đề án “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”	Hội Khuyến học Việt Nam	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý I năm 2022
3	Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030”	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý II năm 2022
4	Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030”	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2022
5	Đề án “Xây dựng kho học liệu mở phục vụ tự học và học tập suốt đời trên hệ sinh thái truyền hình giáo dục Việt Nam”	Đài Truyền hình Việt Nam	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý II năm 2022
6	Đề án “Hỗ trợ cán bộ y tế tuyến cơ sở học tập suốt đời về chuyên môn khám chữa bệnh, phòng bệnh”	Bộ Y tế	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Quý II năm 2022

Số: 387/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào thi đua, học tập thường xuyên, liên tục, học tập suốt đời trong các tầng lớp nhân dân thông qua việc triển khai hiệu quả, nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- 100% cán bộ và hội viên của Hội Khuyến học Việt Nam được học tập quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chương trình, kế hoạch và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và các mô hình học tập suốt đời giai đoạn 2021 - 2025.

- 70% gia đình được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, 65% dòng họ được công nhận đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”; 65% cộng đồng (thôn bản, tổ dân phố và tương đương) được công nhận đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”; 80% các tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã được công nhận đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”.

- 40% người lao động trong “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, 60% cán bộ, công chức, nhân viên trong “Đơn vị học tập” trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- Phần đầu 100% Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội khuyến học cấp xã tham gia quản lý trung tâm học tập cộng đồng. 40% cán bộ làm công tác khuyến học cấp xã tham gia tổ chức các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng và được bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- 100% cán bộ, hội viên Hội khuyến học Việt Nam được học tập, quán triệt các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, nhất là những vấn đề về xã hội học tập bền vững và những xu thế phát triển các mô hình học tập giai đoạn 2026 - 2030 ở trong nước và thế giới.

- 80% gia đình được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình học tập”; 75% dòng họ được công nhận đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”; 75% cộng đồng (thôn bản, tổ dân phố và tương đương) được công nhận đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”; 90% các tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã được công nhận đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”.

- 60% người lao động trong “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, 80% cán bộ, công chức, viên chức trong “Đơn vị học tập” trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- 70% cán bộ làm công tác khuyến học cấp xã tham gia tổ chức các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng và được bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Bổ sung, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình học tập trong xã hội.

a) Tổ chức nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành theo thẩm quyền các Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập phù hợp với các phương thức học tập suốt đời trong điều kiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo;

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu Chương trình, triển khai các Bộ tiêu chí trong các tổ chức Khuyến học và trên các địa bàn dân cư trong cả nước;

c) Tổ chức tập huấn về nội dung, phương pháp triển khai các Bộ tiêu chí mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị.

2. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phổ biến về xây dựng và phát triển các mô hình gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập trong cộng đồng.

a) Tuyên truyền rộng rãi thông qua hệ thống tạp chí, nội san, bản tin và các website của Trung ương Hội và Hội khuyến học các địa phương; trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương;

b) Tổ chức tuyên truyền thông qua sự phối hợp với các Ban, Bộ, ngành, đoàn thể và các lực lượng xã hội;

c) Phát động phong trào thi đua, tổ chức cuộc vận động để thúc đẩy học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị, gắn kết với phong trào xây dựng cộng đồng học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, xây dựng các mô hình học tập.

a) Nghiên cứu, xây dựng phần mềm nhằm số hóa và triển khai thực hiện trên nền tảng công nghệ số việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các Bộ tiêu chí xây dựng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” theo các mục tiêu của Chương trình;

b) Xây dựng trang thông tin điện tử trên cơ sở kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu về tài nguyên thông tin thư viện, Hệ tri thức Việt số hóa và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác... giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập.

4. Tăng cường công tác phối hợp với ngành Giáo dục, ngành Văn hóa, ngành Thông tin để phát triển nguồn lực thông tin, duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, các thiết chế văn hóa cơ sở, góp phần đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030.

5. Đẩy mạnh triển khai nhân rộng, sơ kết, tổng kết các mô hình học tập.

a) Tổ chức quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đề án, chương trình, kế hoạch và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và nhân rộng các mô hình học tập giai đoạn 2021 - 2030;

b) Định kỳ tổ chức sơ kết việc triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm và Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2021 - 2025 vào quý II năm 2026; Tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm và Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 vào quý IV năm 2030;

c) Tổ chức đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” theo các giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030, bao gồm: Biên soạn, in ấn tài liệu hướng dẫn, đánh giá, công nhận các Danh hiệu; tập huấn về quy trình thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm; tổ chức đánh giá và công nhận các Danh hiệu.

6. Huy động nguồn lực xã hội hóa nhằm tăng cường sự đóng góp của cộng đồng trong việc thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, nhân rộng các mô hình học tập, góp phần xây dựng xã hội học tập.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm: ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công được cấp cho Hội theo quy định, nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao, hàng năm Hội khuyến học các cấp lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động của Hội, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

3. Các địa phương có trách nhiệm cân đối ngân sách, bố trí kinh phí hàng năm thực hiện các công việc liên quan đến triển khai các mô hình “Gia đình

học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Khuyến học Việt Nam

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội để triển khai thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn Hội khuyến học các cấp triển khai tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương mình;

b) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành các Bộ tiêu chí theo hướng nâng cao chất lượng các mô hình “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, “cộng đồng học tập” và “đơn vị học tập”;

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá tác động và hiệu quả triển khai Chương trình của các địa phương; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, đề xuất Thủ tướng Chính phủ khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam đánh giá tác động và hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng trong việc xây dựng và nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”;

b) Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo phối hợp với Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá công nhận các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị trên địa bàn cấp xã.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí Trung ương, địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; đánh giá việc phát triển văn hóa đọc trong gia đình, cộng đồng và việc xây dựng xã hội học tập gắn với Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam trong việc đánh giá mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, gắn kết với việc xây dựng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

5. Bộ Tài chính

Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung ứng các chương trình học tập suốt đời; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động trong đơn vị được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tích cực tham gia xây dựng các mô hình học tập;

b) Tổ chức lồng ghép việc thực hiện Chương trình với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan (xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, gia đình, tổ dân phố, làng bản văn hóa...).

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Có trách nhiệm bố trí ngân sách để thực hiện mục tiêu của Chương trình tại địa phương; chỉ đạo các cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp với Hội khuyến học cùng cấp triển khai có hiệu quả Chương trình trên địa bàn;

b) Chỉ đạo các cơ quan thông tin – truyền thông của địa phương tổ chức tuyên truyền về xã hội học tập, học tập suốt đời, về giáo dục người lớn và về các mô hình học tập trong Chương trình;

c) Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo phối hợp với Hội khuyến học kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai các mô hình học tập và ra quyết định công nhận các gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”.

8. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội ở trung ương có liên quan:

a) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài; lồng ghép các tiêu chí xây dựng các mô hình học tập vào tiêu chí công nhận “Nông thôn mới”, “đô thị văn minh”, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác;

b) Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội ở trung ương có liên quan phối hợp với Hội khuyến học Việt Nam đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập cũng như các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
Các Vụ: PL, KTTH, TCCV, TKBT, TH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (2). Sơn.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 – 2030”

Thực hiện Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi là Chương trình), Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình theo 2 giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua học tập thường xuyên, suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị trên địa bàn cấp xã dựa trên những thành quả thực hiện Đề án 281 giai đoạn 2014 – 2020, vận dụng sáng tạo những bài học đã có và phát huy hơn nữa tinh thần thi đua xây dựng các mô hình học tập trong nhân dân.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội Khuyến học Việt Nam tại Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022.

2. Yêu cầu

- Xác định đầy đủ, cụ thể lộ trình thực hiện, bảo đảm tính khả thi các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Hội KHVN, của tổ chức Hội các cấp và hội viên cần triển khai thực hiện theo Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Phân công trách nhiệm thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các đơn vị trong triển khai nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực tại chỗ thông qua việc thực hiện các mô hình học tập.

- Tập trung nâng cao chất lượng các mô hình học tập trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện Chương trình; tăng cường năng lực kỹ thuật số của mọi thành viên trong các mô hình học tập phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2030.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình; Thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc thực hiện Chương trình; Tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền về nội dung của Chương trình đến các cấp Hội Khuyến học và hội viên.

2. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, đoàn thể trung ương trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình:

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá tác động và hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng trong việc xây dựng và nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”;

b) Phối hợp với Bộ Thông tin truyền thông trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; đánh giá việc phát triển văn hóa đọc trong gia đình, cộng đồng và việc xây dựng xã hội học tập gắn với Chương trình chuyển đổi số quốc gia;

c) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc đánh giá các mô hình học tập hiệu quả gắn kết với việc xây dựng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát động cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài; lồng ghép các tiêu chí xây dựng các mô hình học tập vào tiêu chí công nhận phong trào xây dựng “Nông thôn mới, đô thị văn minh”;

3. Rà soát, xây dựng, sửa đổi, ban hành Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập hiệu quả, gắn với xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân được tiếp cận hoặc tạo ra những cơ hội học tập cho mọi người dân, đặc biệt là tầng lớp người lao động trong các thành phần kinh tế.

4. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở tổ chức Hội, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người lớn;

- Xây dựng phần mềm nhằm số hóa và triển khai thực hiện trên nền tảng công nghệ số việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các Bộ tiêu chí xây dựng các mô hình học tập.

5. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng các mô hình học tập trong nền kinh tế số, xã hội số thông qua báo đài, các phương tiện truyền thông trung ương và địa phương.

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Tạp chí “Công dân và Khuyến học” đáp ứng yêu cầu là cơ quan ngôn luận, tuyên truyền hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội Khuyến học Việt Nam;

b) Nhà xuất bản Dân trí xây dựng, triển khai kế hoạch xuất bản hàng năm, có sách chuyên đề phục vụ việc đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời;

b) Xây dựng trang thông tin điện tử trên cơ sở kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu về tài nguyên thông tin thư viện, Hệ tri thức Việt số hóa và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác... giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập.

6. Xây dựng kế hoạch tài chính, đảm bảo cân đối chi từ ngân sách và huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác trong việc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Chương trình mà Chính phủ giao cho Hội.

7. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình; đề xuất về thi đua, khen thưởng, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ trì Đề án tổng thể “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

8. Hằng năm, tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận các mô hình học tập theo các tiêu chí đã ban hành. Tổ chức sơ kết thực hiện Chương trình vào quý I năm 2026 kết hợp với Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu lần thứ 2 giai đoạn 2021-2025.

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

A. GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Căn cứ vào các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đã được giao trong Chương trình, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam xác định mức độ cần đạt của các chỉ số qua các năm 2022, 2023, 2024 và 2025; phấn đấu đến Hội nghị sơ kết việc thực hiện Quyết định 387/QĐ-TTg vào đầu năm 2026, toàn bộ các chỉ tiêu được hoàn thành và hoàn thành vượt mức:

Năm	GDHT	DHHT	CDHT	ĐVHT	Chủ tịch, PCT tham gia quản lý TTHTCĐ	Cán bộ khuyến học tham gia TTHTCĐ	Cán bộ, hội viên quán triệt văn kiện
2022	55%	50%	50%	50%	70%	25%	70%
2023	60%	55%	55%	60%	80%	30%	80%

2024	65%	60%	60%	70%	90%	35%	90%
2025	70%	65%	65%	80%	100%	40%	100%
CDHT -2025	40%	40%	40%	60%			

2. Kế hoạch triển khai

Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình 387 (Giai đoạn 2021 - 2025)	
Thời gian	Nội dung công việc
Quý II/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các Hội địa phương triển khai thực hiện Chương trình; • Hoàn thiện Quy định về tiêu chí đánh giá, công nhận các mô hình học tập; • Nghiên cứu, xây dựng <i>Phần mềm</i> để số hóa quy trình triển khai thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm, công nhận các mô hình học tập; • Tổ chức tập huấn về nội dung Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập; xây dựng quy trình đánh giá, công nhận các danh hiệu học tập; • Các Hội địa phương chuẩn bị điều kiện để triển khai Chương trình; tổ chức phát động phong trào và đăng ký thi đua phần đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Chương trình.
Quý III /2022 - 12/2023	<ul style="list-style-type: none"> • Các Hội địa phương triển khai đại trà việc thực hiện các Bộ tiêu chí. Các tỉnh/thành Hội kiểm tra cơ sở để tiếp thu ý kiến góp ý, đề xuất chỉnh sửa, báo cáo Trung ương Hội; • Xây dựng xong phần mềm đánh giá các mô hình học tập; • Tập huấn về sử dụng <i>Phần mềm đánh giá</i> tiêu chí xây dựng các mô hình học tập; (quý III/2023) • Tháng 9-11/2023: Sơ kết giữa kỳ triển khai thực hiện xây dựng các mô hình học tập tại từng địa phương và các Cụm thi đua Khuyến học. Đại diện lãnh đạo Trung ương Hội dự hội nghị sơ kết tại các Cụm; • Trung ương Hội tổ chức Hội nghị/hội thảo giữa kỳ, đánh giá về kết quả triển khai các Bộ tiêu chí tại các địa phương, trong một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... để có kế hoạch điều chỉnh, hướng dẫn kịp thời về quy mô, quy trình tổ chức thực hiện.
2024-2025	<ul style="list-style-type: none"> • Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình;

	<ul style="list-style-type: none"> • Trung ương Hội chỉ đạo, kiểm tra việc đánh giá, công nhận các mô hình học tập thông qua việc sử dụng Phần mềm đã hoàn chỉnh; • Định kỳ, các Hội địa phương tổ chức Hội nghị/Hội thảo về vấn đề xây dựng và thực hiện các mô hình học tập theo chủ đề tự chọn, nội dung phù hợp với từng địa phương để kịp thời rút kinh nghiệm; • Các Hội địa phương tổ chức kiểm tra định kỳ, thúc đẩy nâng cao chất lượng xây dựng các mô hình học tập; • Căn cứ tình hình thực tế, Trung ương Hội tổ chức Hội thảo về thực hiện các mô hình học tập, học tập suốt đời... theo những chủ đề cụ thể.
3-6/2026	<ul style="list-style-type: none"> • Các Hội địa phương tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình 387; Tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu; • Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 về Trung ương Hội; • Hoàn thiện việc thu thập dữ liệu toàn quốc về các mô hình học tập và hoàn chỉnh <i>Phần mềm đánh giá</i>. • Trung ương Hội tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu trong phạm vi toàn quốc.
Quý III /2026	<ul style="list-style-type: none"> • Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm triển khai Chương trình xây dựng các mô hình học tập; • Tổ chức <i>Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc lần thứ II</i> (gồm đủ 5 mô hình: gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập trên địa bàn hành chính cấp xã, và mô hình <i>công dân học tập</i>). • Trung ương Hội tổ chức đánh giá, hoàn thiện Bộ tiêu chí theo hướng nâng cao chất lượng mô hình, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình cho giai đoạn 2026-2030 (phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước).

B. GIAI ĐOẠN 2026-2030 (Sẽ có kế hoạch cụ thể sau)

1. Trung ương Hội và các Hội địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình 387 theo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao.

2. Bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện Bộ tiêu chí các mô hình học tập (phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước) để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Quốc gia Giáo dục và các Bộ, ngành liên quan tổ chức Hội nghị, Hội thảo quốc gia về xu thế phát triển học tập suốt đời, xây dựng các mô hình học tập, xã hội học tập... trong thế giới chuyên đổi số và phát triển bền vững.

4. Quý II/2030: Các địa phương tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030” ; Báo cáo tổng hợp kết quả về Trung ương Hội trước tháng 8/2030.

5. Quý IV/2030: Trung ương tổ chức Hội tổng kết Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030”; kết hợp tổ chức *Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc lần thứ III*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. Cơ quan Trung ương Hội

1. Ban Phong trào

a) Xây dựng Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình giai đoạn đến năm 2025, trình Lãnh đạo Hội ký ban hành;

b) Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh và trình Lãnh đạo Hội ban hành Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập; Phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai đánh giá các mô hình học tập theo các Bộ tiêu chí;

c) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, lập kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch ở Trung ương và địa phương; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Hội giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này;

d) Hàng năm, tham mưu với Thường trực trung ương Hội tổ chức sơ kết, đánh giá việc triển khai thực hiện các mô hình học tập ở địa phương;

e) Chủ trì, phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo... về các mô hình học tập, học tập suốt đời.

2. Ban Thông tin tuyên truyền

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội xây dựng và triển khai Kế hoạch thông tin, tuyên truyền thực hiện Chương trình; vận hành và duy trì trang thông tin về hoạt động Khuyến học, xây dựng xã hội học tập (WEBSITE);

b) Phối hợp với các Ban của Trung ương Hội tổ chức các hội thảo, hội nghị, diễn đàn về giáo dục người lớn, học tập suốt đời. Tổ chức biên soạn các bộ tài liệu liên quan đến giáo dục người lớn, học tập suốt đời của thế giới phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách về học tập suốt đời, về công tác khuyến học, khuyến tài... ở Việt Nam;

c) Nghiên cứu, tổ chức xây dựng phần mềm số hóa các số liệu thống kê về sự phát triển của từng mô hình học tập, số hóa việc thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm đối với các tiêu chí của mỗi mô hình.

3. Văn phòng Trung ương Hội

a) Tham mưu Thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc triển khai thực hiện Chương trình 387 theo các nhiệm vụ được giao;

b) Xây dựng kế hoạch tài chính, dự trù kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên cơ sở các hoạt động thực tế liên quan đến Chương trình; thực hiện thanh quyết toán theo quy định;

c) Tập hợp số liệu báo cáo hàng năm của Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố phục vụ công tác báo cáo định kỳ theo quy định;

d) Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo... về các mô hình học tập, học tập suốt đời.


B. Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố

1. Tổ chức xây dựng Kế hoạch chi tiết, dự trù kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân phê duyệt, triển khai thực hiện Chương trình theo lộ trình và mục tiêu cụ thể cho từng năm; hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá, xếp loại các mô hình học tập, báo cáo việc thực hiện Chương trình về Trung ương Hội để tập hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm mà Hội Khuyến học các địa phương cần triển khai thực hiện Chương trình 387, cụ thể như sau:

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Nội dung, đối tượng
1	Xây dựng Kế hoạch và Hướng dẫn các cấp làm kế hoạch	4-5/2022	Cấp huyện, cấp xã
2	Tổ chức tập huấn	Quý II/2022	Cho cán bộ KH và hội viên các cấp Hội; phối hợp với các đơn vị liên kết
3	Phát động thi đua xây dựng mô hình trong hệ thống Hội		
4	Hội nghị, Hội thảo	Theo Kế hoạch của Hội	Tạo diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, khắc phục khó khăn
5	Kiểm tra, đôn đốc	Định kỳ do Hội xây dựng	Đơn vị được kiểm tra, nội dung kiểm tra
6	Tổ chức đánh giá, xếp loại, công nhận các danh hiệu	Hàng năm, trong tháng 11/12	Các cấp Hội Khuyến học và các mô hình học tập
7	Sơ kết hàng năm	Quý IV	Lập đề cương, viết sơ kết. Báo cáo các cơ quan có thẩm quyền
8	Tổ chức đánh giá, sơ kết giai đoạn 2021-2025	Quý I-II năm 2026	Hội nghị sơ kết ở cơ sở: Chuẩn bị tài liệu, báo cáo sơ kết, tuyên dương, khen thưởng...

Trên đây là Kế hoạch của Hội Khuyến học Việt Nam thực hiện Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 - 2030”.

Đề nghị Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố, các đơn vị thuộc Trung ương Hội được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch này có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ theo yêu cầu; định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả triển khai về Văn phòng TW Hội để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Hội và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. 

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI
PHÓ CHỦ TỊCH, TỔNG THƯ KÝ**



Lê Mạnh Hùng

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Ban Dân vận TW (để b/c);
- UBTW MTTQVN (để b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TW Đoàn TNCS HCM;
- TW Hội LH Phụ nữ VN;
- Chủ tịch Hội KHVN (để b/c);
- Thường trực TW Hội KHVN;
- Hội KH 63 tỉnh/thành phố;
- Các đơn vị thuộc TW Hội;
- Tạp chí Công dân và Khuyến học;
- Nhà xuất bản Dân trí;
- Cty CP Truyền hình thực tế HDTV;
- Lưu VP, Ban PT.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM



QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP

(Ban hành kèm theo Kế hoạch thực hiện Chương trình 387 số 123 /KH-KHVN ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội Khuyến học Việt Nam)

I. Nguyên tắc chung

- Giữ nguyên tên của 3 tiêu chí cơ bản trong đánh giá 4 mô hình học tập:
a) Kết quả học tập; b) Điều kiện học tập; c) Tác dụng của học tập.
- Bổ sung tiêu chí đánh giá công nhận mô hình “Công dân học tập”, là chỉ số quan trọng trong Bộ tiêu chí đánh giá từng mô hình học tập.
- Trong kết quả học tập của mỗi công dân là thành viên của gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập và đơn vị học tập phải có thêm yêu cầu hình thành những kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu đối với người dân của Chương trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
- Các chỉ số đo trong Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập phải phù hợp với các mục tiêu, chỉ số phát triển trong Đề án tổng thể “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030” của Chính phủ (tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ).
- Chương trình 387 đề ra những yêu cầu phát triển trong tiêu chí xây dựng các mô hình học tập giai đoạn 2021 – 2030. Căn cứ vào kết quả 5 năm đầu thực hiện và yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở báo cáo, góp ý của các Hội địa phương, Hội Khuyến học Việt Nam sẽ nghiên cứu sửa đổi hoặc bổ sung các chỉ số đánh giá cho từng mô hình theo hướng tiếp tục nâng cao chất lượng các mô hình học tập, đáp ứng các yêu cầu xây dựng xã hội học tập trong giai đoạn 2026 – 2030.

II. Quy định Bộ tiêu chí và các chỉ số đánh giá

1. Mô hình “gia đình học tập”:

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025) (đã bổ sung và sửa đổi)	Điểm
I. Kết quả học tập của gia đình (60 điểm)	1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo quy định.	10
	2. Kết quả học tập của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo quy định.	10
	3. Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trẻ em	10

	phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội; Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của tổ chức Đoàn TNCSHCM; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú.	
	4. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên. Người cao tuổi tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày.	15
	5. - 90% cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo quy định của Nhà nước; - 70% người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống; - 40% người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập;	15
II. Điều kiện học tập của gia đình (20 điểm)	6. Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện..., dự các hội nghị, hội thảo. Có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên.	10
	7. Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh để mọi người có điều kiện tự học và học tập thường xuyên. - Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (theo quy định) để sử dụng vào công việc...	10
III. Tác dụng của học tập đối với gia đình (20 điểm)	8. Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ những người đã hết tuổi lao động). Biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế ở địa phương	10
	9. Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học, các cuộc vận động như “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào khác ở địa phương. Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp.	10

2. Mô hình “Đòng họ học tập”:



Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025)	Điểm
I. Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	1. 80% số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). - Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). - 90% đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	2. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên	15
	3. 40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
II. Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)	4. Dòng họ có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.	15
	5. Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ 32.000- 35.000 đồng/đầu người và ngày càng tăng.	10
III. Tác dụng của học tập đối với dòng họ (20 điểm)	6. Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định.	10
	7. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; phát triển văn hóa đọc, HTSD trong THTCD, nhà văn hóa, thư viện... và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10

3. Mô hình “Cộng đồng học tập”: (Thôn bản/tổ dân phố...)

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025)	Điểm
I. Kết quả học tập của cộng đồng (50 điểm)	1. 80% số gia đình trong thôn bản/tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn); trong đó 70% trở lên số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập”.	20
	2. 40% người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập	20

	- 90% đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	
	3. - 100% người lớn học tập thường xuyên tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 - 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên.	10
II. Điều kiện học tập của cộng đồng (30 điểm)	4. Chi bộ đảng và thôn bản/tổ dân phố có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu xây dựng các mô hình: gia đình học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập.	10
	5. Chi hội Khuyến học của thôn bản/tổ dân phố có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời với những người tích cực học tập thường xuyên. Quỹ khuyến học của thôn bản/tổ dân phố đạt mức từ 32.000đ - 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng lên.	10
	6. Trong thôn bản/tổ dân phố có ít nhất 02 trong các phương tiện học tập cộng đồng (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10
III. Tác dụng của học tập đối với cộng đồng (20 điểm)	7. Trong thôn bản/tổ dân phố, mọi người trong tuổi lao động ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo.	10
	8. Nhân dân trong thôn bản/tổ dân phố tích cực tham gia học tập tại TTHTCĐ, nhà văn hóa, thư viện; triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, “xây dựng nông thôn mới”, “xây dựng khu đô thị văn minh”;	10

4. Mô hình “Đơn vị học tập”: (cơ quan, trường học, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp... trên địa bàn cấp xã)

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (giai đoạn 2021 - 2025)	Điểm
I. Kết quả học tập của đơn vị (50 điểm)	1. 90% cán bộ, công chức, viên chức được học tập những kỹ năng sống cần thiết	10
	2. - 90% cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập các chương trình theo quy định của nhà nước, của đơn vị hoặc của đoàn thể. - 90% lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.	10

	3. - 90% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyên đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc; - 40% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc.	10
	4. 60% cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “ Công dân học tập ”	20
II. Điều kiện học tập của đơn vị (30 điểm)	5. Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị có kế hoạch, có chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành công dân học tập; Các tổ chức đoàn thể trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên, thúc đẩy thành viên của mình học tập thường xuyên đạt kết quả tốt.	10
	6. Đơn vị có các phương tiện phục vụ cho việc học tập thường xuyên của các thành viên, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10
	7. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Xây dựng Quỹ khuyến học của đơn vị, phấn đấu đạt mức bình quân từ 32.000đ – 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng.	10
III. Tác dụng của học tập đối với đơn vị (20 điểm)	8. Hằng năm, đơn vị đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10
	9. Gia đình của các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phấn đấu xây dựng “gia đình học tập”, trong đó 80% gia đình cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	10

Số: 242/QĐ-KHVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Đòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2021 – 2030

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”;


Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 – 2030”;

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Đòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**TM. BAN CHẤP HÀNH TW HỘI
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Các Bộ, các Tổ chức chính trị, xã hội có liên quan đến Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 (để phối hợp);
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.



Nguyễn Thị Doan

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

BỘ TIÊU CHÍ – HƯỚNG DẪN

**Đánh giá công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”,
“Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”,
“Đơn vị học tập” giai đoạn 2021 – 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-KHVN, ngày
28/7/2022)*

A- CÁC BỘ TIÊU CHÍ KHUNG

I. Hình thức "Gia đình học tập"

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (đã bổ sung và sửa đổi)	Điểm
I. Kết quả học tập của gia đình (60 điểm)	1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo quy định.	10
	2. Kết quả học tập của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo quy định.	10
	3. Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trẻ em phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội; Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của tổ chức Đoàn TNCSHCM; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú.	10
	4. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên. Người cao tuổi còn sức khỏe tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày.	15
	5. - 90% cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo quy định của Nhà nước; - 70% người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tìm hiểu hoặc học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống; - 40% người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập;	15
II. Điều kiện học tập của gia đình (20 điểm)	6. Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện..., dự các hội nghị, hội thảo. Gia đình có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên.	10
	7. Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh để mọi người có điều kiện tự học và học tập thường xuyên. - Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (theo quy định) để sử dụng vào công việc...	10

III. Tác dụng của học tập đối với gia đình (20 điểm)	8. Gia đình biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế gia đình và địa phương. Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ những người đã hết tuổi lao động).	10
	9. Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học, các cuộc vận động như “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào khác ở địa phương. Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt quy định của pháp luật.	10

II. Mô hình “Dòng họ học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	1. 80% số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). - Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). - 90% đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	2. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên	15
	3. 40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
II. Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)	4. Dòng họ có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.	15
	5. Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ 32.000- 35.000 đồng/đầu người và ngày càng tăng.	10

III. Tác dụng của học tập đối với dòng họ (20 điểm)	6. Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định.	10
	7. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; <i>phát triển văn hóa đọc, tham gia học tập trong THTCD, nhà văn hóa, thư viện...</i> và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10

III. Mô hình “Cộng đồng học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của cộng đồng (50 điểm)	1. 80% số gia đình trong thôn bản/tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn); trong đó 70% trở lên số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập”.	20
	2. 40% người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập - 90% đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	3. - 100% người lớn học tập thường xuyên; tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 - 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên.	10
II. Điều kiện học tập của cộng đồng (30 điểm)	4. Chi bộ đảng và thôn bản/tổ dân phố có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu xây dựng các mô hình: gia đình học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập.	10
	5. Chi hội Khuyến học của thôn bản/tổ dân phố tổ chức động viên, khen thưởng kịp thời với những người tích cực học tập thường xuyên. Quỹ khuyến học của thôn bản/tổ dân phố đạt mức từ 32.000đ - 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng lên.	10

	6. Trong thôn bản/tổ dân phố có ít nhất 02 trong các phương tiện học tập cộng đồng (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10
III. Tác dụng của học tập đối với cộng đồng (20 điểm)	7. Trong thôn bản/tổ dân phố, mọi người trong tuổi lao động ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo.	10
	8. Nhân dân trong thôn bản/tổ dân phố <i>tích cực tham gia học tập tại TTHTCĐ, nhà văn hóa, thư viện</i> ; triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, “xây dựng nông thôn mới”, “xây dựng khu đô thị văn minh”;	10

IV. Mô hình “Đơn vị học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của đơn vị (50 điểm)	1. 90% cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng sống cần thiết.	10
	2. - 90% cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập các chương trình theo quy định của nhà nước, của đơn vị hoặc của đoàn thể. - 90% lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.	10
	3. - 90% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyển đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc; - 40% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc.	10
	4. 60% cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
II. Điều kiện học tập của đơn vị (30 điểm)	5. Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị có kế hoạch, có chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành công dân học tập; bố trí kinh phí hàng năm cho công tác đào tạo Các tổ chức đoàn thể trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên, thúc đẩy thành viên của mình học tập thường xuyên đạt kết quả tốt.	10

	6. Đơn vị có các phương tiện phục vụ cho việc học tập thường xuyên của các thành viên, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10
	7. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Xây dựng Quỹ khuyến học của đơn vị, phân đầu đạt mức bình quân từ 32.000đ – 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng.	10
III. Tác dụng của học tập đối với đơn vị (20 điểm)	8. Hằng năm, đơn vị đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10
	9. Gia đình của các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phân đầu xây dựng “gia đình học tập”, trong đó 80% gia đình cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	10

B- HƯỚNG DẪN

Việc triển khai đánh giá, công nhận các Danh hiệu học tập
Theo Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
(Sau đây gọi là Chương trình 387)

Trong giai đoạn 2014 – 2020, các Hội Khuyến học địa phương đã có kinh nghiệm trong việc đánh giá công nhận các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” tại Đề án 281 (theo hướng dẫn tại Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 01/12/2015 của Trung ương Hội KHVN). Đồng thời, các Hội địa phương cũng đã tiếp cận Kế hoạch số 123/KH-KHVN ngày 14/4/2022 về việc thực hiện Chương trình 387, nên đã có thời gian nghiên cứu Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập (có chỉnh sửa, bổ sung so với giai đoạn 2014-2020) được quy định tại Chương trình 387.

Giai đoạn 2022-2030, về cơ bản, quy trình đánh giá, công nhận các mô hình học tập vẫn dựa theo hướng dẫn tại Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 01/12/2015 của Trung ương Hội KHVN; tuy nhiên, các Hội địa phương cần quan tâm, thực hiện một số những điểm sau:

1. Vận dụng linh hoạt việc đánh giá, công nhận các mô hình học tập theo Bộ tiêu chí dùng cho việc đánh giá mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã giai đoạn 2022 – 2030, xong phải bảo đảm các nguyên tắc:

a) Không thay đổi 3 tiêu chí đánh giá cơ bản: Kết quả học tập, Điều kiện học tập, Tác dụng của học tập;

b) Vẫn giữ đúng 9 chỉ số đánh giá;

c) Có thể bổ sung những chi tiết trong từng chỉ số đo, nhưng những tỷ lệ về người đạt chuẩn biết chữ, về cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyển đổi số, về công dân học tập... phải giữ nguyên vì đây là những tỷ lệ quy định trong Quyết định 387/QĐ-TTg;

d) Với các chỉ số đo, nếu không đạt đầy đủ thì không cho điểm tối đa. Tùy vào mức độ đạt được cụ thể để xác định mức điểm tương xứng. Riêng với chỉ số 5 thuộc tiêu chí I của mô hình “Gia đình học tập”; chỉ số 3 thuộc tiêu chí I của mô hình “Dòng họ học tập”, chỉ số 2 thuộc tiêu chí I của mô hình “Cộng đồng học tập” và chỉ số 4 thuộc tiêu chí I của mô hình “Đơn vị học tập” mà không đạt đầy đủ thì cho điểm 0.

2. Trong báo cáo tổng kết về số lượng và tỷ lệ các mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã được bình chọn phải ghi rõ tỷ lệ người đạt danh hiệu “Công dân học tập” so với tổng số dân trên địa bàn.

3. Để không bị xáo trộn cách đánh giá, bình chọn các mô hình học tập, các khâu thẩm định báo cáo, xác lập minh chứng, tổng hợp thành tích, hoàn thiện báo cáo vẫn tiến hành theo cơ chế và sự phân công như đã thực hiện trong giai đoạn 2014 – 2020.

4. Hội Khuyến học cơ sở tập hợp hồ sơ đã được bình chọn trình UBND cấp xã ra quyết định công nhận các mô hình học tập.

5. Báo cáo tổng hợp về kết quả xây dựng các mô hình học tập ở cấp xã cần bảo đảm đủ các số liệu trong bảng thống kê dưới đây:

Gia đình học tập	Số gia đình trên địa bàn cấp xã	Số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	Tỷ lệ % GDHT/Gia đình trong xã
Dòng họ học tập	Số dòng họ trên địa bàn cấp xã	Số dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”	Tỷ lệ % DHHT/Dòng họ trong xã
Cộng đồng học tập	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”	Tỷ lệ % CDHT/Cộng đồng trong xã
Đơn vị học tập	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”	Tỷ lệ % ĐVHT/Đơn vị trong xã

Công dân học tập	Tổng số người lớn trên địa bàn xã (không tính học sinh, sinh viên đang đi học)	Tổng số người lớn trong gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	Tỷ lệ % CDHT/người lớn trong xã	Tỷ lệ % CDHT/người lớn trong gia đình
-------------------------	--	---	---------------------------------	---------------------------------------

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình 387, nếu có vướng mắc phát sinh, Hội Khuyến học các cấp trao đổi, tổng hợp ý kiến, báo cáo Trung ương Hội xem xét, điều chỉnh phù hợp.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

TTĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 677/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình
Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Gửi: C
Ngày: ... 6/6/2022

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy việc học tập suốt đời để con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả... trên cơ sở hình thành mô hình “Công dân học tập” nhằm khuyến khích, tạo cơ hội công bằng,

điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công một xã hội học tập.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu đến năm 2025

- 100% cán bộ, hội viên Hội Khuyến học Việt Nam được học tập quán triệt các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”;

- 40% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, bản, tổ dân phố và tương đương), 60% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và ở cơ quan trung ương đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- 70% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 60% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

b) Phân đầu đến năm 2030

- Tiếp tục quán triệt đến toàn thể cán bộ, hội viên Hội Khuyến học Việt Nam để hiểu rõ và triển khai hiệu quả các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”;

- 60% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, bản, tổ dân phố và tương đương), 80% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và ở cơ quan trung ương đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- 90% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó 80% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Xây dựng và hoàn thiện Bộ tiêu chí khung để áp dụng cho các đối tượng khác nhau.

a) Nghiên cứu, xây dựng, ban hành những Bộ tiêu chí có chỉ số đo khác nhau cho các nhóm đối tượng là nông dân, công nhân, công chức, viên chức, doanh nhân, cán bộ quản lý để bảo đảm mức độ hợp lý và tính khả thi trong triển khai đại trà chủ trương xây dựng mô hình “Công dân học tập” trên mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống xã hội;

b) Biên soạn và in ấn tài liệu tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo những Bộ tiêu chí cụ thể.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”.

a) Tổ chức tuyên truyền thông qua hệ thống báo chí, bản tin, nội san, các trang tin điện tử của Hội Khuyến học các cấp, trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương;

b) Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, tổ chức, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang;

c) Phát động phong trào thi đua học tập suốt đời, xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong phạm vi cả nước.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, xây dựng mô hình công dân học tập.

a) Nghiên cứu, xây dựng phần mềm nhằm số hóa việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu của Chương trình;

b) Xây dựng trang thông tin điện tử, học liệu mở, chuyên đề... giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập, nhằm tạo sự chuyển biến về chất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình và đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài trên phạm vi toàn quốc.

4. Triển khai công tác tập huấn, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

a) Tổ chức các hội nghị, tập huấn quán triệt Chương trình, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản chỉ đạo khác của Đảng và Chính phủ liên quan đến đổi mới giáo dục, đào tạo, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; tập huấn triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” cho những đối tượng trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, phù hợp với trình độ học vấn và đặc điểm nghề nghiệp của họ;

b) Xây dựng quy trình, tổ chức kiểm tra, đánh giá công nhận danh hiệu “Công dân học tập” trên phạm vi toàn quốc: Xây dựng mẫu đánh giá, công nhận các danh hiệu; tài liệu hướng dẫn quy trình đánh giá, công nhận các danh hiệu; tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu;

c) Tổ chức Hội nghị sơ kết việc triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” và Đại hội biểu dương các cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua, đạt danh hiệu “Công dân học tập” tiêu biểu toàn quốc vào quý III năm 2026, Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình vào quý IV năm 2030.

5. Huy động nguồn lực xã hội hóa nhằm tăng cường sự đóng góp của cộng đồng trong việc thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, nhân rộng mô hình “Công dân học tập”, góp phần xây dựng xã hội học tập.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm: ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công được cấp cho Hội theo quy định, nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao, hàng năm Hội khuyến học các cấp lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động của Hội, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

3. Các địa phương có trách nhiệm cân đối ngân sách, bố trí kinh phí hàng năm thực hiện các công việc liên quan đến triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Khuyến học Việt Nam

a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá mô hình “Công dân học tập” để triển khai trên toàn quốc;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội có liên quan để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình ở địa phương;

d) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện Chương trình của các địa phương; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam trong việc hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức xây dựng mô hình công dân học tập;

b) Phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam trong việc tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trung ương, địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về mô hình công dân học tập.

4. Bộ Tài chính

Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Lồng ghép việc thực hiện Chương trình với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan (xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, gia đình văn hóa);

b) Phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Chương trình và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bộ, ngành có trách nhiệm cung ứng các chương trình học tập suốt đời và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị được học tập suốt đời, phấn đấu trở thành “công dân học tập”; coi đây là một trong các chỉ tiêu thi đua, đánh giá xếp loại lao động hàng năm.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức ở địa phương phối hợp với Hội Khuyến học các cấp trong việc triển khai thực hiện Chương trình;

b) Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí của địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trong đó có tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”;

c) Chỉ đạo Hội khuyến học các cấp tổ chức đánh giá và lập danh sách những cá nhân đạt tiêu chí “Công dân học tập”; thẩm định và công nhận kết quả do Hội Khuyến học địa phương trình duyệt.

7. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương

Chỉ đạo, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam và các bộ, ngành liên quan trong việc định hướng tuyên truyền, động viên triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, nhất là việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên gương mẫu tham gia xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

8. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội ở trung ương có liên quan:

a) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng mô hình “công dân học tập” trong cả nước, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác;

b) Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội ở trung ương có liên quan phối hợp với Hội khuyến học Việt Nam đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên thuộc cơ quan, tổ chức của mình được học tập thường xuyên, học suốt đời để đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: PL, KTTT, TCCV, TKBT, TH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (2). Sơn. 32



Vũ Đức Đam

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 – 2030”

Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi là Chương trình 677), Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình theo 2 giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hình thành phong trào tự học, học tập suốt đời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực tại chỗ thông qua thực hiện mô hình “Công dân học tập”; động viên, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập thường xuyên, học suốt đời, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công xã hội học tập theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội Khuyến học Việt Nam tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022.

2. Yêu cầu

- Xác định nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp cụ thể, tiến độ thực hiện, bảo đảm triển khai thực hiện đầy đủ, sáng tạo các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Phân công trách nhiệm thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các đơn vị trong triển khai nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện mô hình Công dân học tập nhằm thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển của cộng đồng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung nâng cao chất lượng mô hình công dân học tập thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện Chương trình;

tăng cường năng lực kỹ thuật số cho người lao động, hình thành những “Công dân số” đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình; Thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc thực hiện Chương trình; Tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền về nội dung của Chương trình, về bộ tiêu chí Công dân học tập đến các cấp Hội Khuyến học, hội viên và trong nhân dân.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của học tập suốt đời, giúp mọi người hiểu rõ giá trị của những phẩm chất, năng lực cốt lõi trong bộ tiêu chí đánh giá “Công dân học tập”, qua đó hình thành phong trào học tập, tự học tập nâng cao năng lực bản thân, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống.

3. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, đoàn thể trung ương trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình:

a) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng kế hoạch hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện mô hình công dân học tập; tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”;

b) Phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí trung ương, địa phương, nòng cốt là Tạp chí Công dân và Khuyến học, Website của Trung ương Hội... trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập;

c) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát động cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài; lồng ghép các tiêu chí xây dựng mô hình công dân học tập vào tiêu chí công nhận “Gia đình văn hóa”, góp phần thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” giai đoạn 2021 – 2025.

4. Trung ương Hội nghiên cứu sớm ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân hình học tập phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng lao động theo quy định tại Chương trình 677. (xem **Phụ lục**)

5. Xây dựng phần mềm nhằm số hóa và triển khai thực hiện trên nền tảng công nghệ số việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình Công dân học tập. Có kế hoạch tập huấn để các Hội địa phương thống nhất cách làm, đảm bảo kết quả chính xác, công bằng trong thực hiện Chương trình 677.

6. Các địa phương tham mưu với UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 677; xây dựng kế hoạch tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp kinh phí thực hiện Chương trình; đồng thời huy động thêm các nguồn tài chính hợp pháp khác nhằm triển khai hiệu quả Chương trình 677.

7. Trung ương Hội và các Hội địa phương tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chương trình theo kế hoạch đã ban hành. Đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm và cả giai đoạn.

8. Hằng năm, tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận mô hình Công dân học tập theo các tiêu chí đã ban hành. Các địa phương tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Chương trình vào quý I năm 2026 kết hợp với Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu giai đoạn 2021-2025. Hội nghị sơ kết 5 năm kết hợp với Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc được tiến hành vào quý III năm 2026.

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

A. GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Các mục tiêu chủ yếu

Căn cứ vào các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đã được giao trong Chương trình, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam xác định mức độ cần đạt của các chỉ số qua các năm 2022, 2023, 2024 và 2025; phấn đấu đến hết năm 2025, toàn bộ các chỉ tiêu về Công dân học tập được hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo Quyết định 677/QĐ-TTg:

Năm \ Nội dung	Tập huấn, quán triệt tiêu chí CDHT	Tỷ lệ trong GD, DH, CD học tập	Tỷ lệ trong đơn vị học tập	Tỷ lệ công dân đạt kỹ năng số
2022	70%	25%	45%	40%
2023	80%	30%	50%	50%
2024	90%	35%	55%	60%
2025	100%	40%	60%	70%

2. Kế hoạch triển khai

Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình 677 (Giai đoạn 2022 - 2025)	
Thời gian	Nội dung công việc
Quý III /2022	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các Hội địa phương triển khai thực hiện Chương trình; Hoàn thiện, ban hành Quy định Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân học tập; Nghiên cứu, xây dựng <i>Phần mềm</i> để số hóa quy trình triển khai thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm, công nhận mô hình công dân học tập; Các Hội địa phương xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình; chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai Chương trình; tổ chức phát động phong trào và đăng ký thi đua phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp

	<p>được giao trong Chương trình.</p>
<p>Quý IV /2022 - 12/2023</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các Hội địa phương triển khai đại trà việc thực hiện Bộ tiêu chí. Các tỉnh/thành Hội kiểm tra cơ sở để tiếp thu ý kiến góp ý, đề xuất chỉnh sửa, báo cáo Trung ương Hội; • Xây dựng xong phần mềm đánh giá mô hình CD học tập; • Tập huấn về sử dụng <i>Phần mềm đánh giá</i> tiêu chí xây dựng mô hình công dân học tập; • Sơ kết giữa kỳ triển khai thực hiện mô hình tại từng địa phương và các Cụm thi đua Khuyến học. Đại diện lãnh đạo Trung ương Hội dự hội nghị sơ kết tại các Cụm.
<p>2024-2025</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Trung ương Hội tổ chức Hội nghị/hội thảo giữa kỳ, đánh giá về kết quả triển khai các Bộ tiêu chí tại các địa phương, trong một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... để có kế hoạch điều chỉnh, hướng dẫn kịp thời về quy mô, quy trình tổ chức thực hiện. (Quý I/2024) • Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình; Hội Khuyến học địa phương tổ chức kiểm tra định kỳ, thúc đẩy nâng cao chất lượng mô hình CDHT; • Trung ương Hội chỉ đạo, kiểm tra việc đánh giá, công nhận các mô hình học tập thông qua việc sử dụng <i>Phần mềm</i> đã hoàn chỉnh; • Định kỳ, các Hội địa phương tổ chức Hội nghị/Hội thảo về vấn đề xây dựng và thực hiện các mô hình học tập theo chủ đề tự chọn, nội dung phù hợp với từng địa phương để kịp thời rút kinh nghiệm; • Căn cứ tình hình thực tế, Trung ương Hội tổ chức Hội thảo về thực hiện các mô hình học tập, học tập suốt đời... theo những chủ đề cụ thể.
<p>3-6/2026</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các Hội địa phương tổ chức Hội nghị sơ kết 4 năm thực hiện Chương trình 677; Tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu; • Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025 về Trung ương Hội; • Hoàn thiện việc thu thập dữ liệu toàn quốc về các mô hình học tập và hoàn chỉnh trên <i>Phần mềm đánh giá</i>. • Trung ương Hội tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu trong phạm vi toàn quốc.
<p>Quý III /2026</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm triển khai thực hiện mô hình công dân học tập; • Tổ chức <i>Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc lần thứ II</i> (gồm đủ 5 mô hình: công dân học tập, gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập trên địa bàn hành chính cấp xã).

	<ul style="list-style-type: none"> • Trung ương Hội tổ chức đánh giá, hoàn thiện Bộ tiêu chí theo hướng nâng cao chất lượng mô hình, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình cho giai đoạn 2026-2030 (phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước).
--	---

B. GIAI ĐOẠN 2026-2030 *(Sẽ có kế hoạch cụ thể sau)*

1. Trung ương Hội và các Hội địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình 677 theo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao.

2. Bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện Bộ tiêu chí xây dựng mô hình công dân học tập (phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước) để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

3. Tổ chức Hội nghị, Hội thảo về xây dựng các mô hình học tập, về xã hội học tập trong giai đoạn mới: Giáo dục vì sự phát triển bền vững.

4. Quý II/2030: Các địa phương tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Báo cáo tổng hợp kết quả về Trung ương Hội trước tháng 8/2030.

5. Quý IV/2030: Trung ương tổ chức Hội tổng kết Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”; kết hợp tổ chức *Đại hội biểu dương các mô hình học tập tiêu biểu toàn quốc lần thứ III*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. Cơ quan Trung ương Hội

1. **Thường trực Trung ương Hội:** Xác định nội dung chương trình phối hợp với các ban, bộ, ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình 677.

2. Ban Phong trào

a) Xây dựng Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025, trình Lãnh đạo Hội ký ban hành; Tham mưu cho Lãnh đạo Hội tổ chức Hội thảo hoàn thiện Bộ tiêu chí;

b) Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh và trình Lãnh đạo Hội ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mô hình công dân học tập; Phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai đánh giá mô hình công dân học tập theo Bộ tiêu chí khung;

c) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, lập kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch ở Trung ương và địa phương; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Hội giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này;

d) Hàng năm, tham mưu với Thường trực trung ương Hội tổ chức sơ kết, đánh giá việc triển khai thực hiện mô hình công dân học tập ở các Cụm thi đua Khuyến học;

e) Nghiên cứu, Cùng trường Đại học Mở tổ chức xây dựng phần mềm số hóa các số liệu thống kê về sự phát triển của mô hình công dân học tập, số hóa việc thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm đối với các tiêu chí của mô hình;

HOC

ONG

*

- f) Tham mưu cho lãnh đạo Trung ương Hội và chủ trì trong việc phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo... về các mô hình học tập, học tập suốt đời;
- g) Chủ trì, phối hợp với các ban biên soạn tài liệu tập huấn Chương trình 677.

3. Ban Thông tin tuyên truyền

- a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội xây dựng và triển khai Kế hoạch thông tin, tuyên truyền thực hiện Chương trình; vận hành và duy trì trang thông tin về hoạt động Khuyến học, xây dựng xã hội học tập (WEBSITE);
- b) Phối hợp với các Ban của Trung ương Hội, Tạp chí Công dân và Khuyến học, với các cơ quan truyền thông làm tốt công tác tuyên truyền, cập nhật thông tin kịp thời về việc tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Phối hợp trong tổ chức biên soạn các bộ tài liệu liên quan đến Chương trình 677, công dân học tập, giáo dục người lớn, học tập suốt đời, về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

4. Văn phòng Trung ương Hội

- a) Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương Hội, tham mưu thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc triển khai thực hiện Chương trình 677 theo các nhiệm vụ được giao;
- b) Xây dựng kế hoạch tài chính, dự trù kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên cơ sở các hoạt động thực tế liên quan đến Chương trình; thực hiện thanh quyết toán theo quy định;
- c) Tập hợp số liệu báo cáo hàng năm của Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố phục vụ công tác báo cáo định kỳ theo quy định;
- d) Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo... về mô hình công dân học tập, học tập suốt đời và giáo dục người lớn.

B. Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố


1. Tổ chức xây dựng Kế hoạch chi tiết, dự trù kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân phê duyệt, triển khai thực hiện Chương trình theo lộ trình và mục tiêu cụ thể cho từng năm; hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá, xếp loại và công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Trung ương Hội để tập hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm mà Hội Khuyến học các địa phương cần triển khai thực hiện Chương trình 677, cụ thể như sau:

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Nội dung, đối tượng
1	Xây dựng Kế hoạch và Hướng dẫn các cấp làm kế hoạch	Quý III/2022	Cấp tỉnh, huyện, cấp xã
2	Tổ chức tập huấn	Quý IV/2022	Cho cán bộ KH và hội viên các cấp Hội; phối hợp với các
3	Phát động thi đua		

	xây dựng mô hình trong hệ thống Hội		đơn vị liên kết
4	Hội nghị, Hội thảo	Theo Kế hoạch của Hội	Tạo diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, khắc phục khó khăn
5	Kiểm tra, đôn đốc	Định kỳ do Hội xây dựng	Các đơn vị được kiểm tra
6	Tổ chức đánh giá, xếp loại, công nhận các danh hiệu	Hàng năm, trong tháng 11, 12	Các cấp Hội Khuyến học và các cá nhân tham gia xây dựng mô hình CDHT
7	Sơ kết hàng năm	Quý IV	Lập đề cương, viết sơ kết. Báo cáo các cơ quan có thẩm quyền
8	Tổ chức đánh giá, sơ kết giai đoạn 2021-2025	Quý I năm 2026	Hội nghị sơ kết ở cơ sở: Chuẩn bị tài liệu, báo cáo sơ kết, tuyên dương, khen thưởng...

Trên đây là Kế hoạch của Hội Khuyến học Việt Nam thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

Đề nghị Hội Khuyến học 63 tỉnh, thành phố, các đơn vị thuộc Trung ương Hội được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch này có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ theo yêu cầu; định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 10 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả triển khai về Văn phòng Trung ương Hội để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Hội và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. 

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI
PHÓ CHỦ TỊCH, TỔNG THƯ KÝ**



Lê Mạnh Hùng

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Ban Dân vận TW (để b/c);
- UBTW MTTQVN (để b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TW Đoàn TNCS HCM;
- TW Hội LH Phụ nữ VN;
- Chủ tịch Hội KHVN (để b/c);
- Thường trực TW Hội KHVN;
- Hội KH 63 tỉnh/thành phố;
- Các đơn vị thuộc TW Hội;
- Tạp chí Công dân và Khuyến học;
- Nhà xuất bản Dân trí;
- Cty CP Truyền hình thực tế HDTV;
- Lưu: VP, Ban PT.





PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội Khuyến học Việt Nam)

I. BỘ TIÊU CHÍ KHUNG và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập”

Tiêu chí khung	Chỉ số đánh giá (các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. <i>Năng lực tự học, học tập suốt đời</i>	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị.	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. <i>Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc</i>	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. <i>Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội</i>	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm tối đa	100

II. Tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” áp dụng cho các nhóm đối tượng người lao động thuộc 3 khu vực:

Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động...	10
	2. Biết xây dựng kế hoạch học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề, ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Xây dựng và sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, buôn bán, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, xã giao, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	8. Biết tính toán, suy nghĩ, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập
(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của công đoàn, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học....	10
	3. Sắp xếp công việc, lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên môn.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng tốt máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị số để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, phát triển tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất, đọc bản hướng dẫn về kỹ thuật....	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc, cải tiến kỹ thuật, nâng cao định mức lao động, tiến bộ về tay nghề.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ đồng nghiệp gặp khó, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100



Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập
(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp...)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của mình.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm, ứng xử có văn hóa với người khác, tôn trọng nhân cách con người, thể hiện đạo đức công dân khi giao lưu trên mạng.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, cải tiến kỹ thuật, công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội. Bảo vệ quyền lợi quốc gia và giữ an ninh mạng	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

III. Quy trình thu thập minh chứng, đánh giá, cho điểm:

- Những người tự nguyện tham gia xây dựng mô hình công dân học tập (CDHT) sẽ đăng ký theo mẫu (mục IV, phụ lục);

- Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm; Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu;

- Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm tự đánh giá theo mẫu, gửi hồ sơ cho Ban/Chi hội khuyến học của đơn vị/địa phương để được xem xét, tập hợp và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã;

- Hàng năm, Hội Khuyến học cấp xã tổng hợp hồ sơ, trình UBND cùng cấp xem xét, công nhận Danh hiệu Công dân học tập theo quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”.

IV. Mẫu đăng ký phấn đấu trở thành “Công dân học tập”:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ THAM GIA XÂY DỰNG MÔ HÌNH
“CÔNG DÂN HỌC TẬP”

TT	Họ và tên Điện thoại	Ngày sinh		Dân tộc	Đơn vị	Địa chỉ	Giai đoạn
		Nam	Nữ				
...

Tôi tự nguyện phấn đấu, học tập để trở thành “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí gồm 3 năng lực cốt lõi và 10 chỉ số đánh giá như hướng dẫn.

....., ngày tháng năm 202...

Ký tên

V. Mẫu kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm CDHT (gửi kèm theo).

Hội Khuyến học các địa phương căn cứ vào mẫu này để xây dựng chi tiết Bản tự kê khai cho các cá nhân sử dụng phù hợp với từng nhóm đối tượng người lao động và đặc điểm của địa phương.



Số: 244/QĐ-KHVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu
“Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 8/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”;


Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 3/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 – 2030”;

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để ph/h);
- Bộ Tài chính (để ph/h);
- Các Bộ, ngành, tổ chức Chính trị, Xã hội liên quan đến Quyết định 677/QĐ-TTg;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Doan

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

**BỘ TIÊU CHÍ – HƯỚNG DẪN
ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DANH HIỆU “CÔNG DÂN HỌC TẬP”
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022)



I. BỘ TIÊU CHÍ “CÔNG DÂN HỌC TẬP”

Bộ tiêu chí khung và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập”

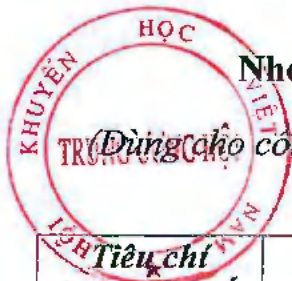
Tiêu chí khung	Chỉ số đánh giá (các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị nhằm trang bị kiến thức cho bản thân	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động, học tập và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm tối đa	100



Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

Tiêu chí (<i>Năng lực cốt lõi</i>)	Chỉ số đánh giá (<i>Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn</i>)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày dành thời gian hợp lý để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động...	10
	2. Tham gia học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề tham gia các khóa huấn luyện ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Biết sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc hoạt động của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, bà con trong cộng đồng... học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với mọi người trong cộng đồng; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tham gia giữ gìn an ninh trật tự đảm bảo an toàn giao thông.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100



Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, lao động tự do...)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại, thiết bị điện tử cầm tay.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của đơn vị, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học....	10
	3. Sắp xếp công việc hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ khi đồng nghiệp gặp khó khăn, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng		100



Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập

(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp,...)

Tiêu chí (<i>Năng lực cốt lõi</i>)	Chỉ số đánh giá (<i>Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn</i>)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của bản thân.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán thông qua thiết bị điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến; không vi phạm các quy định về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, có sáng kiến, đổi mới sáng tạo để công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện: Khả năng phân tích vấn đề rõ ràng, hợp lý, toàn diện, khách quan, logic và phát triển... áp dụng trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa với người nói ngôn ngữ khác.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng		100



II. HƯỚNG DẪN

Triển khai đánh giá, công nhận Danh hiệu “Công dân học tập”

Theo Quyết định 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ

(Sau đây gọi là Chương trình 677)

Việc đánh giá, công nhận Danh hiệu “Công dân học tập” trong Chương trình 677 khác với việc đánh giá công nhận các mô hình học tập trong Chương trình 387: Nếu các mô hình học tập trong Chương trình 387 là những mô hình nằm trên địa bàn hành chính cấp xã, người dân tham gia xây dựng các mô hình đó là cư dân trên địa bàn, thì đối tượng tham gia xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong Chương trình 677 đề cập phạm vi rộng hơn bao gồm tất cả cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, công nhân, nhân viên kỹ thuật thuộc các doanh nghiệp, quân nhân trong lực lượng vũ trang và lao động tự do... trong toàn xã hội.

Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng và ban hành **Bộ tiêu chí khung** về mô hình “Công dân học tập”; việc áp dụng tiêu chí cho đối tượng nào sẽ theo các Bộ tiêu chí riêng, bao gồm những chỉ số đánh giá phù hợp với trình độ văn hóa, trình độ học vấn chuyên môn - nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện sống và công việc của mỗi cá nhân, phù hợp với từng cơ quan, đơn vị và đặc thù mỗi địa phương.

A. Quan điểm chỉ đạo

1. Mỗi công dân học tập là người biết tự học và coi trọng việc học tập; thông qua học tập suốt đời để thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn - nghề nghiệp, hoàn thiện tay nghề, có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có ý thức lập thân, lập nghiệp nhằm cải thiện đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, hướng tới công dân số, đóng góp tích cực cho xã hội.

2. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội do xã hội mang lại để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình; tương tác, tạo điều kiện để người khác cùng học tập hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội học tập, hướng tới xã hội số.

3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư... có trách nhiệm thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khuyến học, khuyến tài và thực hiện các mô hình học tập, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng và điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.

B. Nguyên tắc chung

- Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm; Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu;

- Hồ sơ kê khai là bản tự đánh giá, cho điểm theo mẫu (kèm theo Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16/6/2022): Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm, gửi hồ sơ cho Chi hội khuyến học của địa phương để được xem xét, tập hợp danh sách và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã/phường (Hội cơ sở); Hội Khuyến học cấp xã xác nhận, trình UBND cùng cấp ra quyết định công nhận danh sách các cá nhân đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- Đối với cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị do cấp huyện, tỉnh, trung ương quản lý, thì nộp bản tự đánh giá cho Ban khuyến học cơ quan, đơn vị để được Thủ trưởng đơn vị xem xét, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; Nếu đơn vị chưa có Ban khuyến học thì có thể đề nghị tổ chức Công đoàn (hoặc Đoàn Thanh niên) phối hợp, xác nhận và trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận.

- Hàng năm, Hội Khuyến học các cấp (xã, huyện, tỉnh) tổng hợp hồ sơ, danh sách công nhận Danh hiệu Công dân học tập theo quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp trên và Trung ương Hội theo quy định.

C. Hướng dẫn đánh giá theo các bộ tiêu chí

1. Các cá nhân đăng ký phấn đấu đạt Danh hiệu “Công dân học tập” sẽ được xếp vào 1 trong 3 loại đối tượng với 3 Bộ tiêu chí tương ứng là:

a) Bộ tiêu chí dùng cho nông dân và lao động nông thôn.

b) Bộ tiêu chí dùng cho công nhân, lao động thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, lao động tự do...

c) Bộ tiêu chí dùng cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên... từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp, lực lượng vũ trang.

Lưu ý:

- Học sinh phổ thông, sinh viên đang học cao đẳng, đại học hệ chính quy... chưa phải là đối tượng đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- Đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang: Thực hiện theo các quy định của Nhà nước đối với vị trí mà quân nhân đảm nhiệm. Trong khi chưa có bộ tiêu chí riêng thì căn cứ Bộ tiêu chí khung, nhóm 3, lãnh đạo chỉ huy đơn vị từ cấp Trung đoàn hoặc tương đương ban hành tiêu chí cho phù hợp với nhiệm vụ đơn vị.

- Đối với người đã về hưu, người cao tuổi: Ngoài các năng lực, chỉ số đã được hình thành theo ngành nghề trong quá trình còn công tác, chủ yếu cần quan tâm nhiều hơn đến các chỉ số như tích cực học tập để nâng cao kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe bản thân, quan tâm đến gia đình và xã hội, tích cực động viên mọi người tham gia xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, giữ gìn đoàn kết, an ninh, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường...

2. “Công dân học tập” là *yếu tố chất lượng mới* của các mô hình học tập cấp xã, đồng thời là điều kiện cần thiết để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao của từng địa phương, do đó tỷ lệ 40% số người trong gia đình và 60% số người trong đơn vị phải bảo đảm tuyệt đối. Nếu tỷ lệ này không được bảo đảm thì số điểm đánh giá công dân học tập trong các mô hình học tập cấp xã sẽ bằng 0 điểm.

3. Cơ bản việc đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” căn cứ vào bản tự kê khai, đánh giá của cá nhân. Các Chi hội/Ban khuyến học phối hợp với Tổ dân phố (thôn, bản...)/cơ quan, đơn vị... sẽ thẩm định hồ sơ thông qua bản tự kê khai của cá nhân, đánh giá mức độ hoàn thành 10 chỉ số để xác nhận kết quả.

4. Việc tự đánh giá, cho điểm, thu thập hồ sơ cá nhân phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập” cũng như cách xác định mức độ đạt được của các chỉ số sẽ thực hiện thí điểm trên máy tính kể từ quý I/2023. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” theo Chương trình 677 sẽ có hướng dẫn riêng.

5. Trên cơ sở Bộ tiêu chí khung, các Hội địa phương có thể xây dựng các Bộ tiêu chí cụ thể, áp dụng linh hoạt cho từng nhóm đối tượng người dân trên địa bàn quản lý sao cho phù hợp, dễ nhớ, dễ làm, chính xác, hiệu quả, đảm bảo chất lượng mô hình, động viên được tinh thần tự học, ham học, chia sẻ kinh nghiệm học tập, lao động của cộng đồng dân cư.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình 677, nếu có vướng mắc phát sinh, Hội Khuyến học các cấp trao đổi, tổng hợp ý kiến, báo cáo Trung ương Hội xem xét, điều chỉnh phù hợp.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
VĂN PHÒNG

Số: 2956 /VP-VX

V/v triển khai thực hiện
Chương trình “Xây dựng
mô hình Công dân học tập
giai đoạn 2021 - 2030”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 6 năm 2022

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 176
ĐẾN Ngày: 20.6.2022

Kính gửi:

Chuyển:.....

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Đài Phát thanh và Truyền hình;
- Hội Khuyến học;

tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”, đồng chí Huỳnh Thị Diễm Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng phối hợp với Hội Khuyến học và các ban ngành, đoàn thể có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền.

(Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến các đơn vị được biết, thực hiện./ *lduk*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT.



Trương Quốc Điền

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4791 /VP-VX
V/v phối hợp với Hội Khuyến
học triển khai phần mềm đánh
giá “Công dân học tập”

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 8 năm 2023

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 311
ĐẾN Ngày: 29/8/2023 Kinh gửi:

Chuyển:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền Thông;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Công văn số 200/CV-KHVN ngày 28/7/2023 của Hội Khuyến học Việt Nam về việc phối hợp với Hội Khuyến học triển khai phần mềm đánh giá “Công dân học tập”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Hội Khuyến học cùng cấp triển khai thực hiện Công văn nêu trên của Hội Khuyến học Việt Nam.

(Kèm theo Công văn số 200/CV-KHVN ngày 28/7/2023 của Hội Khuyến học Việt Nam).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông báo đến các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VX.



CHÁNH VĂN PHÒNG

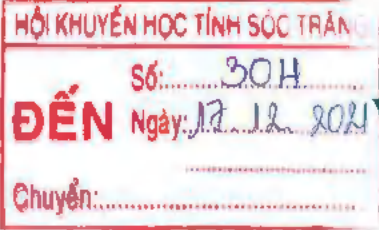
Tôn Quang Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 3578/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 12 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập
tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Công văn số 3320/BGDĐT-GDĐT ngày 06/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030, gồm các thành viên sau:

Trưởng ban:

1. Bà Huỳnh Thị Diễm Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các Phó Trưởng ban:

2. Ông Châu Tuấn Hồng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (Thường trực);

3. Ông Danh Hoàng Nguyên, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

4. Mời ông Lâm Sao, Phó Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh.

Các Ủy viên:

5. Bà Dương Thị Kim Thúy, Giám đốc Sở Tài chính;

6. Ông Lê Hoàng Bắc, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông;

7. Ông Huỳnh Văn Nam, Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

8. Ông Thạch Thanh Tùng, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh;

9. Ông Trần Thành Tuấn, Phó Giám đốc Sở Y tế;

10. Bà Lục Bích Phúc, Phó Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

11. Ông Nguyễn Minh Trí, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;

12. Ông Sơn Thanh Liêm, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

13. Mời bà Khưu Đăng Phượng, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

14. Mời bà Trịnh Thị Bảo Khuyên, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

Tổ thư ký:

15. Ông Trần Khánh, Trưởng phòng Giáo dục dân tộc - Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo;

16. Bà Thạch Thị Domres, Phó Trưởng phòng Giáo dục dân tộc - Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo

17. Ông Thái Bình Dương, Chuyên viên Phòng Giáo dục dân tộc - Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2.

1. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Trung ương; Tổ Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo soạn thảo các văn bản, chuẩn bị các nội dung, tài liệu phục vụ cho hoạt động của Ban Chỉ đạo; thực hiện các công việc khác khi được Ban Chỉ đạo phân công.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Đề án của các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các địa phương trong tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trưởng Ban Chỉ đạo được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng ban Thường trực được sử dụng con dấu của Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện nhiệm vụ.

4. Các thành viên của Ban Chỉ đạo được phép trưng dụng cán bộ của đơn vị mình khi làm nhiệm vụ.

5. Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *Ma*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT. *Ma*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ma
Lâm Hoàng Nghiệp

Số: /KH-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập
Giai đoạn 2021 – 2030”, tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”;

Căn cứ Công văn số 3320/BGDĐT-GDTrX ngày 06/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”, tỉnh Sóc Trăng, với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

+ 100% các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

+ 90% các huyện hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo;

+ 90% các huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

+ Phân đầu 90% các huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, trong đó có 20% các huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân:

+ 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin;

+ 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống;

+ 50% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, 12% dân số có trình độ đại học trở lên.

- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

+ 60% các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số;

+ 70% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

- Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội:

+ 40% công dân đạt danh hiệu công dân học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ 25% các huyện được công nhận danh hiệu huyện học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

+ Tiếp tục giữ vững 100% các huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

+ Phân đầu 100% các huyện hoàn thành phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo;

+ 100% các huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

+ Phân đầu 100% các huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, trong đó có 40% các huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân:

+ 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin;

+ 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.

+ 60% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, 15% dân số có trình độ đại học trở lên.

- Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

+ 90% các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số;

+ 100% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

- Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội:

+ 60% công dân đạt danh hiệu công dân học tập;

+ 50% các huyện được công nhận danh hiệu huyện học tập;

+ Phân đầu tỉnh Sóc Trăng được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng xã hội học tập

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập trong điều kiện phát triển nền kinh tế số, xã hội số thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, các cơ sở giáo dục và các phương thức khác;

b) Tổ chức hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời, Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam hằng năm;

c) Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

2. Thực hiện cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập

a) Xây dựng, hướng dẫn, triển khai thực hiện tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng xã hội học tập của các huyện, thị xã, thành phố; tiêu chí công dân học tập; tiêu chí công nhận huyện học tập, tỉnh học tập; khung năng lực thông tin phục vụ học tập suốt đời cho công dân;

b) Thực hiện quy chế kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên; các quy định liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo;

c) Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, nhất là các trung tâm học tập cộng đồng ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Thực hiện các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, người lao động được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; hỗ trợ những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

3. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời

a) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên, các thiết chế văn hóa:

- Cơ sở giáo dục đại học: Phối hợp Trường Đại học Cần Thơ mở phân hiệu tại tỉnh Sóc Trăng nhằm tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Đổi mới các phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt gắn với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn giúp người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, người khuyết tật, người nội trợ, người cao tuổi dễ dàng tiếp cận, nâng cao kỹ năng nghề

nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho công nhân, người lao động.

- Cơ sở giáo dục thường xuyên: Đa dạng nội dung giáo dục, đào tạo, đổi mới mạnh mẽ các phương thức giảng dạy và học tập kết hợp với việc ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông tin, mạng xã hội và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở để mở rộng tiếp cận và nâng cao chất lượng học tập cho mọi người dân.

- Các thiết chế văn hoá: Đổi mới phương thức, mô hình hoạt động và cung ứng sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ học tập trên nền tảng công nghệ số; tăng cường hợp tác trong tạo lập và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các thiết chế văn hóa và các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức hỗ trợ người dân học tập suốt đời.

b) Hướng dẫn sử dụng các chương trình giáo dục trên kênh phát thanh, truyền hình, các trang báo điện tử, các ứng dụng truyền hình của các Đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương; trên nền tảng công nghệ số của các mạng xã hội có nhiều người dùng tại Việt Nam.

c) Hướng dẫn sử dụng các kho học liệu mở phục vụ việc tự học và học tập suốt đời trên các Kênh truyền hình giáo dục theo Đề án được duyệt.

4. Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

a) Tăng cường công tác phối hợp, liên kết giữa các ngành, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa thể thao để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thiết thực, hiệu quả gắn với phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương;

b) Tăng cường tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và xóa mù chữ gắn với dạy nghề truyền thống, dạy nghề ngắn hạn và phát triển cộng đồng;

c) Huy động có hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng và các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện của địa phương và các quy định của pháp luật;

d) Nghiên cứu đổi mới mô hình trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả và tổ chức thí điểm để triển khai nhân rộng trong tỉnh.

5. Tổ chức các phong trào, cuộc vận động để thúc đẩy học tập suốt đời

a) Tăng cường vận động, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân xây dựng, duy trì thói quen tự học, ý thức học tập suốt đời phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi cá nhân.

b) Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong toàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác nhằm thúc đẩy việc học tập trong mọi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư.

c) Huy động sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp để triển khai hiệu quả các phong trào, hoạt động thúc đẩy tự học, học thường xuyên, tham gia học tập trên môi trường công nghệ cho công nhân, người lao động; hỗ trợ người lao động có điều kiện thuận lợi để học tập suốt đời.

d) Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và xây dựng mô hình công dân học tập theo Đề án được duyệt.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa

a) Thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập;

b) Triển khai các chương trình hợp tác quốc tế về công nghệ đào tạo mở và từ xa trên nền tảng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

c) Đẩy mạnh vận động, khuyến khích đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập tại địa phương;

d) Chủ động, tích cực tham gia mạng lưới “Thành phố học tập toàn cầu” do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) điều hành.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Đề án, các sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm của sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì, điều phối thực hiện Đề án, có trách nhiệm

a) Là cơ quan thường trực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án; chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố điều phối, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Đề án;

b) Triển khai tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng xã hội học tập; khung năng lực thông tin phục vụ học tập suốt đời cho công dân; tiêu chí công nhận huyện học tập, tỉnh học tập. Thực hiện quy chế phối hợp liên ngành giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan; thực hiện quy chế kiểm tra, công nhận kết quả học tập giáo dục thường xuyên;

c) Đề nghị xét tặng, ghi nhận những tấm gương tiêu biểu về tự học thành

tài, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác xây dựng xã hội học tập hằng năm;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp hằng năm; tổ chức sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030 và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành, đơn vị liên quan thực hiện các chương trình đào tạo bổ sung, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp mới cho người lao động; hỗ trợ học tập cho người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội;

b) Nhân rộng các mô hình đào tạo, đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp; đào tạo nghề gắn với ngành nghề truyền thống, gắn với sản xuất, kinh doanh ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

c) Triển khai các chương trình, dự án, đề án hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại cho các đối tượng: lao động nông thôn, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ, người ngoài tuổi lao động.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông về xây dựng xã hội học tập. Chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành mở rộng danh mục, đối tượng được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Nhân rộng các mô hình học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ;

b) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong các thiết chế văn hóa – thể thao phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và hướng dẫn cơ chế tài chính triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các chính sách để tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội thúc đẩy công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo qui định và các văn bản khác có liên quan.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh các hoạt động phát triển nghề nghiệp cho người lao động; tuyên truyền, vận động, động viên, khuyến khích công nhân, người lao động trong doanh nghiệp học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề;

b) Chỉ đạo các cấp công đoàn hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp vận động người sử dụng lao động tạo điều kiện về thời gian, vật chất, thành lập quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ công nhân, người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và hỗ trợ con công nhân, người lao động hiếu học có hoàn cảnh khó khăn, nghèo.

8. Ban Dân tộc tỉnh

Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho người dân tộc thiểu số, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho người dân tộc thiểu số được tham gia học tập.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội liên quan

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập sâu rộng trong toàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác. Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh tham gia giám sát, phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Đề án;

b) Hội Khuyến học tỉnh

- Chủ trì lồng ghép các hoạt động tuyên truyền thông qua hệ thống hội khuyến học các cấp.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

- Hướng dẫn triển khai thực hiện tiêu chí công dân học tập, nhân rộng các mô hình học tập phù hợp với thực tiễn tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

c) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Chủ trì, phối hợp tổ chức, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập thông qua các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sáng tạo trong thanh niên; vận động gây quỹ hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập.

d) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia tuyên truyền Đề án, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập trong phong trào

“Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; vận động, tuyên truyền phụ nữ và trẻ em gái ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa biết chữ ra học các lớp xóa mù chữ.

đ) Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu giáo chức: Hướng dẫn các cấp hội phối hợp tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hoá giáo dục và đào tạo; huy động hội viên tham gia chuyển giao công nghệ, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, phổ biến kiến thức cho người dân.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án hằng năm và từng giai đoạn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và Kế hoạch này; củng cố, tổ chức bộ phận chỉ đạo xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 các cấp ở địa phương; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng xã hội học tập;

b) Cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Đề án;

c) Xây dựng và phát triển các mô hình học tập, ngành nghề đào tạo, các nghề đặc thù cần học tập suốt đời đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp quy hoạch của từng địa phương đến năm 2030;

d) Kiểm tra, giám sát và định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án và Kế hoạch này, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”, tỉnh Sóc Trăng. Đề nghị các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện và đề nghị các đoàn thể, các hội, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh Sóc Trăng có liên quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm GDTX tỉnh; Trung tâm GDDN-GDTX huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Diễm Ngọc

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
VĂN PHÒNG

Số: 2994 /VP-VX
V/v triển khai thực hiện công tác
khuyến học, khuyến tài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 06 năm 2023

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 218
ĐẾN Ngày: 15/6/2023
Chuyên:

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Hội Khuyến học tỉnh;

tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại buổi làm việc với Hội Khuyến học Việt Nam theo Thông báo số 200/TB-VPCP ngày 01/6/2023 của Văn phòng Chính phủ, đồng chí Huỳnh Thị Diễm Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Khuyến học tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nội dung tại Thông báo nêu trên của Văn phòng Chính phủ; trường hợp khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Kèm theo Thông báo số 200/TB-VPCP ngày 01/6/2023 của Văn phòng Chính phủ).

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông báo đến các đơn vị biết, thực hiện. *tyl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VX.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Quốc Hưng
Trần Quốc Hưng

Số: 200/TB-VPCP

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại buổi làm việc với Hội Khuyến học Việt Nam

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Hội Khuyến học Việt Nam, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã chủ trì buổi làm việc với Hội Khuyến học Việt Nam (Hội). Cùng tham dự buổi làm việc có đồng chí Nguyễn Thị Doan, Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam; đồng chí Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; lãnh đạo Ban Dân vận Trung ương, Văn phòng Chính phủ; các đồng chí lãnh đạo Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam; đại diện các cơ quan: Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp. Sau khi nghe Hội báo cáo tình hình công tác, ý kiến phát biểu của các đại biểu dự họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà kết luận như sau:

1. Trong những năm qua, Hội Khuyến học Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao cho nhất là trong thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và Kết luận 49-KL/TW ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW trong giai đoạn 2021 - 2030 và các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đơn vị, xây dựng mô hình công dân học tập... Với tâm huyết, tinh thần cống hiến và lực lượng đông đảo, Hội có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo; đóng vai trò tiên phong liên kết, phối hợp các lực lượng xã hội trong thực hiện nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, nâng cao dân trí, phát triển con người, xây dựng xã hội học tập trong những năm qua. Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng đánh giá cao và trân trọng cảm ơn những đóng góp của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam cùng các cấp Hội đã có những đóng góp quan trọng trong những năm qua.

2. Khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao dân trí, phát triển con người, tạo động lực mới cho phát nhanh, bền vững đất nước, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi mô hình kinh tế dựa vào tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và xu thế phát triển của thời đại. Cần tiếp tục đổi mới

tài, xây dựng xã hội học tập, lấy con người làm trung tâm, nhân tài làm động lực cho phát triển đất nước trong giai đoạn phát triển mới. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam cần tiếp tục phát huy vai trò quan trọng, cùng với các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

a) Hội Khuyến học Việt Nam:

- Phát huy trí tuệ, tâm huyết của đông đảo hội viên, các cấp hội trong tham gia hoàn thiện, đổi mới các chủ trương, chiến lược và phát triển triết lý giáo dục, đào tạo phù hợp với truyền thống văn hóa, yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới và xu thế phát triển của thời đại. Đóng góp, phản biện, xây dựng đồng bộ chính sách, pháp luật về giáo dục, đào tạo; tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình Tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 29-NQ/TW) và các vấn đề đang được xã hội quan tâm như chính sách học phí, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, phổ cập giáo dục cho trẻ em mầm non, xã hội hóa giáo dục, vấn đề phân luồng và định hướng nghề nghiệp,...

- Tiếp tục thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong liên kết, phối hợp với các tổ chức, lực lượng xã hội tham gia khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Phát triển các phong trào khuyến học, khuyến tài với xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; các mô hình gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập và đơn vị học tập để tổng kết nhân rộng các mô hình hiệu quả.

- Chỉ đạo các cấp Hội tiếp tục vận động Nhân dân tích cực học tập, học tập suốt đời, nâng cao dân trí, năng suất lao động; tham gia vào hoạt động đổi mới quản lý giáo dục, xây dựng bộ tiêu chí xếp hạng các cơ sở giáo dục một cách khoa học, độc lập, dựa trên đánh giá từ doanh nghiệp, người dân, người đi học, đồng thời hài hoà với các tiêu chuẩn quốc tế.

- Phối hợp xây dựng kế hoạch, dự án nhiệm vụ cụ thể giai đoạn 2023 - 2025. Triển khai nhiệm vụ theo đặt hàng của Nhà nước.

- Phát triển Quỹ khuyến học theo hướng đa dạng, hiệu quả để hỗ trợ học sinh, sinh viên vượt khó vươn lên trong học tập, tiếp cận giáo dục chất lượng cao, giáo dục đại học.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật thể chế hóa các chủ trương của Đảng về giáo dục toàn dân, xây dựng xã hội học tập, bảo đảm có sự đồng bộ, liên thông giữa các bậc học, loại hình giáo dục, đào tạo (phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học, sau đại học) nhằm khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho người học có được cơ hội học tập suốt

đời; sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa những nguồn lực sẵn có, tránh lãng phí, gây khó khăn cho người học.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thực hiện nhiệm vụ đặt hàng với Trung ương Hội khuyến học Việt Nam trong tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW đề xuất các chủ trương, chính sách đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và xu thế của toàn cầu; xây dựng nội dung, chương trình phù hợp với đối tượng, lứa tuổi học tập.

d) Các Bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương cần có cách tiếp cận mới, chủ động triển khai công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; quan tâm, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng, phát triển các thiết chế, môi trường cho xã hội học tập, phục vụ học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hoá; đẩy mạnh chuyển đổi số tạo điều kiện để người dân có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống tri thức mở, linh hoạt với nhiều mô hình, từ đó hình thành thói quen, phát triển năng lực tự học tập, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

3. Về các đề xuất của Hội Khuyến học Việt Nam

a) Về tổ chức, mô hình của Hội và chính sách có liên quan đối với cán bộ hội các cấp: giao Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao rà soát quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 và các Thông tư quy định chi tiết, đánh giá thực tiễn, nghiên cứu, quán triệt đầy đủ, sâu sắc các văn bản của Đảng, Nhà nước để tham mưu đầy đủ, rõ ràng, minh bạch về mô hình tổ chức bộ máy, nhân sự, chế độ chính sách của các cấp hội ở Trung ương, địa phương phù hợp với đặc thù của Hội khuyến học, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

b) Về đề xuất chọn ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (ngày 11/6) để phát động phong trào khuyến học, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập: giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam nghiên cứu, đề xuất chủ đề phát động phù hợp, phối hợp với Bộ Nội vụ, Ban Thi đua khen thưởng ban hành các tiêu chí để làm cơ sở để đánh giá, tôn vinh. Trình cấp có thẩm quyền quyết định ngày phát động phong trào toàn dân xây dựng xã hội học tập.

c) Về việc tổ chức Lễ phát động Phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình triển khai Phong trào: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam và các cơ quan có liên quan tổ chức Lễ phát động bảo đảm thiết thực, hiệu quả theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 3447/VP-CP-KGVX ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

d) Về việc bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Hội: Bộ Tài chính, Bộ Giáo

đục và Đào tạo cùng với Hội Khuyến học Việt Nam rà soát các nhiệm vụ của Hội đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại các Chương trình, Đề án lựa chọn một số nhiệm vụ, dự án cụ thể có tính khả thi để thống nhất bố trí kinh phí kịp thời cho Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam thực hiện đến năm 2025.

đ) Về việc thành lập lại Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập ở Trung ương: Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Hội Khuyến học Việt Nam nghiên cứu, đề xuất phù hợp với quy định về thành lập tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành và các chỉ đạo khác có liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ thông báo đề các Bộ, cơ quan liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW;
- Ban Dân vận TW;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Các Bộ: GDĐT, LĐTBXH, TC, TP, NV;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, Trợ lý Văn phòng;
- Công TTĐT, các Vụ: TH, TCCV, KTTH, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2b), Sơn.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Sỹ Hiệp

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG
XÃ HỘI HỌC TẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /QĐ-BCĐUBND

Sóc Trăng, ngày 13 tháng 4 năm 2023

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 132
ĐẾN Ngày: 13/4/2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030

Chuyển:.....

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP
TỈNH SÓC TRĂNG, GIAI ĐOẠN 2021-2030**

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030";

Căn cứ Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030", tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng - Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030 (tại Tờ trình số 610/TTr-SGDĐT ngày 22/3/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *Hy*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VX, VT.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Huỳnh Thị Diễm Ngọc



UBND TỈNH SÓC TRĂNG
**BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG
XÃ HỘI HỌC TẬP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập
tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 07 /QĐ-BCĐUBND ngày 13 /4/2023 của Trưởng
Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là *Ban Chỉ đạo*) được kiện toàn tại Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ban Chỉ đạo, các thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương II NHIỆM VỤ CỦA BAN CHỈ ĐẠO, CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

Điều 3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 78/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả thiết thực, phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách, đề án, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

3. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” của các huyện, thị xã, thành phố.

4. Tổ chức báo cáo kết quả triển khai thực hiện hàng năm, sơ kết và tổng kết theo giai đoạn để đánh giá, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo triển khai việc thực

hiện công tác xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hàng năm trước ngày 20/12, sơ kết và tổng kết xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

5. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, tập thể cá nhân có thành tích trong việc xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

6. Theo dõi, kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến công tác xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung tham mưu, kết quả triển khai thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo

1. Trưởng Ban Chỉ đạo

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung và hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo;
- Tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chỉ đạo.

2. Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo

- Chỉ đạo phòng chuyên môn trực thuộc xây dựng và ký ban hành kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030", kế hoạch công tác hằng năm của Ban Chỉ đạo và gửi báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo;
- Thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành một số hoạt động của Ban Chỉ đạo khi được Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền;
- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo triển khai các chủ trương, đề án, kế hoạch thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh;
- Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" của các huyện, thị xã, thành phố;
- Chỉ đạo xây dựng và điều hành dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo

- Thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành một số hoạt động của Ban Chỉ đạo khi được Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền;
- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo theo dõi một số lĩnh vực theo sự phân công. Kiểm tra hoạt động của các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể (*thành viên Ban Chỉ đạo*) trong công tác triển khai nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch hoạt động hàng

năm, báo cáo kết quả hàng năm, định kỳ, sơ kết, tổng kết và gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp;

4. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo

- Các Ủy viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm giúp Lãnh đạo các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể chỉ đạo và đôn đốc thực hiện các hoạt động xây dựng xã hội học tập ở sở, ban ngành, tổ chức đoàn thể của mình phụ trách;

- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện xây dựng xã hội học tập ở các cơ quan, đơn vị, địa phương theo sự phân công;

- Tham gia đóng góp ý kiến cho các chương trình, đề án và các văn bản có liên quan;

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập thuộc lĩnh vực của đơn vị; đồng thời, đề xuất nội dung hoạt động của năm sau gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 05/12;

- Báo cáo đột xuất, chuyên đề, sơ kết, tổng kết; đề xuất thi đua, khen thưởng khi có yêu cầu của cơ quan chức năng;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Trưởng Ban Chỉ đạo triệu tập.

Chương III

CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 5. Chế độ hoạt động

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, theo cơ chế phối hợp và trách nhiệm được giao của mỗi thành viên. Trường hợp có các ý kiến khác nhau giữa các thành viên thì Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo được cung cấp những thông tin cần thiết, có liên quan đến công tác chỉ đạo, tình hình triển khai và kết quả thực hiện xây dựng xã hội học tập hàng năm; trao đổi ý kiến tại các phiên họp của Ban Chỉ đạo; tham gia các đoàn tham quan, nghiên cứu; kiểm tra công tác xây dựng xã hội học tập ở các địa phương theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật, chương trình kế hoạch công tác và Quy chế; bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định; bảo đảm nguyên tắc cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên. Mỗi thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ công tác của mình trước Trưởng Ban Chỉ đạo và cùng với các thành

viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban Chỉ đạo trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan Nhà nước cấp trên.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ tập thể thông qua các cuộc họp toàn thể và thực hiện theo phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban Chỉ đạo.

3. Quan hệ công tác giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo: Đối với những nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công, các thành viên có trách nhiệm chủ động tổ chức, chỉ đạo, thực hiện. Trường hợp các vấn đề liên quan đến nhiều thành viên thì thành viên được giao nhiệm vụ chủ trì phải chủ động phối hợp với các thành viên khác để giải quyết và báo cáo kết quả với Trưởng Ban Chỉ đạo.

4. Chế độ hội họp và báo cáo

- Chế độ hội họp: Ban Chỉ đạo họp khi có ý kiến của Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc theo đề xuất của đa số các thành viên Ban Chỉ đạo họp rút kinh nghiệm sau khi có kết quả chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá công tác xây dựng xã hội học tập tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Chế độ báo cáo: Định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo của các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo ban hành báo cáo kết quả thực hiện từng năm, báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Kinh phí hoạt động

Thực hiện theo Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo, bố trí cán bộ chuyên môn giúp việc Ban Chỉ đạo.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, các thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo kịp thời với Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo để nghiên cứu, chỉnh sửa và bổ sung trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 689 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 3 năm 2023

ĐI KHUYẾN HỌC TỈNH SÓC TRĂNG

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả

ĐẾN đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập cấp tỉnh năm 2022

Chuyên: **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 428/TTr-SGDĐT ngày 02/3/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập cấp tỉnh năm 2022.

(Kèm theo Danh sách chi tiết).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai, công bố Quyết định và chỉ đạo các đơn vị duy trì, phát huy kết quả đạt được trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *T.H.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thị Diễm Ngọc



DANH SÁCH

Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập cấp tỉnh năm 2022

Kèm theo Quyết định số 689 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Xếp loại
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Tốt
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tốt
3	Sở Giao thông vận tải	Tốt
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tốt
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Tốt
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tốt
7	Sở Nội vụ	Tốt
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tốt
9	Sở Tư pháp	Tốt
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tốt
11	Ban Dân tộc	Tốt
12	Thanh tra tỉnh	Tốt
13	Hội Khuyến học tỉnh	Tốt